

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO*
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/09/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 và Kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2026;

Học viện Ngoại giao thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 như sau:

I. Chuyên ngành đào tạo, số lượng tuyển sinh, thời gian và hình thức đào tạo

1. Chuyên ngành và số lượng tuyển sinh năm 2026

- Quan hệ quốc tế, mã số: 8310206; số lượng tuyển sinh: 100;
- Luật quốc tế, mã số: 8380108; số lượng tuyển sinh: 30;
- Kinh tế quốc tế, mã số: 8310106; số lượng tuyển sinh: 30;
- Truyền thông quốc tế: 8320107; số lượng tuyển sinh: 30.

2. Thời gian đào tạo: 18 tháng

3. Hình thức đào tạo: Chính quy

II. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng là công dân Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp.

* Thông báo này có thể được cập nhật, điều chỉnh trong trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế mới về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.



b) Đã học bổ sung kiến thức đối với những trường hợp tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với chuyên ngành dự thi trình độ thạc sĩ (*xem tại Phụ lục 1*). Trong trường hợp người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học chưa được phân loại theo các nhóm tại Phụ lục 1, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét quyết định.

c) Lý lịch bản thân rõ ràng và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.

e) Người dự tuyển nếu có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

f) Yêu cầu về ngoại ngữ: Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*xem tại Phụ lục 2*).

2. Đối tượng dự tuyển là công dân nước ngoài

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện dự tuyển đối với người Việt Nam trừ khoản f, mục 2.1 - Yêu cầu về ngoại ngữ, ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

III. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và việc học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển

1. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo (xem tại Phụ lục I).

2. Căn cứ vào quy định của chương trình đào tạo, Giám đốc Học viện quyết định về các trường hợp phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.

IV. Quy định về đối tượng dự tuyển chương trình định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng

1. Người dự tuyển đăng ký **chương trình định hướng nghiên cứu** khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 (nhóm 1 và nhóm 2 đối với chuyên ngành Luật quốc tế), có xếp hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên.

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

2. Người dự tuyển đăng ký dự tuyển **chương trình định hướng ứng dụng** khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 (nhóm 1 và nhóm 2 đối với chuyên ngành Luật quốc tế), có xếp hạng tốt nghiệp dưới Khá; bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp nhóm 4 (nhóm 3 đối với chuyên ngành Luật quốc tế); bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp theo chương trình đào tạo định hướng ứng dụng.

(Lưu ý: Trong trường hợp người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp mà không có xếp hạng tốt nghiệp, Học viện sẽ căn cứ Mục 5, Điều 10 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học để đánh giá).

V. Hồ sơ dự tuyển và thủ tục đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển bao gồm các giấy tờ sau:

1) Một (01) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);

- 2) Một (01) bản sao có chứng thực các giấy tờ sau: Bằng và bằng điểm tốt nghiệp đại học; Chứng chỉ ngoại ngữ; Căn cước công dân; Chứng nhận học bổ sung kiến thức (nếu có); Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp (không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện “Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học”); Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có);
- 3) Minh chứng các giải thưởng nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học và bài báo được công bố của thí sinh gồm: bản sao có chứng thực đối với giải thưởng nghiên cứu khoa học; giấy xác nhận là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học của cơ quan có thẩm quyền; bản sao trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài đối với bài báo (nếu có);
- 4) Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động để minh chứng về thâm niên công tác (yêu cầu đối với đối tượng xét tuyển/ thi tuyển tốt nghiệp ngành phù hợp nhóm 4);
- 5) Công văn cử đi dự tuyển của thủ trưởng cơ quan quản lý (yêu cầu đối với đối tượng thi tuyển tốt nghiệp ngành phù hợp nhóm 4);
- 6) Hai (02) ảnh màu cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh vào mặt sau);
- 7) Bản sao có chứng thực giấy tờ để minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có).

2. Thủ tục đăng ký dự tuyển

Bước 1: Đăng ký thông tin trực tuyến

Người dự tuyển kê khai thông tin, đăng ký ngành dự tuyển và đăng tải hồ sơ theo yêu cầu tại đường link:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSfYU2EtXduAAwWrRjczOEh4db_3xQtGPdbDQubgr_H-dgzNWA/viewform

Bước 2: Nộp lệ phí dự tuyển

Sau khi kê khai thông tin, đăng ký ngành dự tuyển và đăng tải hồ sơ đầy đủ theo thông báo, người dự tuyển chuyển khoản lệ phí đăng ký dự thi/xét tuyển và lệ phí xét tuyển/thi tuyển (*xem tại khoản 2, Mục VII của thông báo này*) với thông tin như sau:

Tên tài khoản: **Học viện Ngoại giao**

Số tài khoản: **1014615668**

Ngân hàng: **SHB Thăng Long**

Nội dung chuyển khoản nhập theo cú pháp:

- Hồ sơ xét tuyển: HỌ TÊN NGÀY THÁNG NĂM SINH.XT.2026
- Hồ sơ thi tuyển: HỌ TÊN NGÀY THÁNG NĂM SINH.TT.2026

Chụp ảnh biên lai/giao dịch chuyển khoản thành công và tải minh chứng lên đường link:

<https://drive.google.com/drive/folders/1c27Xvkhv3E6rkzu7tycinkURJbMJzU30?usp=sharing>

Lưu ý:

- Lệ phí dự thi không hoàn lại sau khi đã nộp;
- Người dự tuyển nộp lại hồ sơ bản cứng sau khi trúng tuyển để phục vụ công tác hậu kiểm.

VI. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

1. Kế hoạch tuyển sinh

- Thông báo tuyển sinh: Tháng 6 năm 2026;
- Thời gian nhận hồ sơ (*trong giờ hành chính*): Từ ngày 01/06/2026 đến 17h00 ngày 06/10/2026;
- Học bổ sung kiến thức: 06/07/2026 - 03/10/2026;
- Lịch xét tuyển (*dự kiến*): 12 - 13/10/2026;
- Lịch ôn tập thi tuyển (*dự kiến*): 15/10/2026 – 23/10/2026;
- Thời gian thi tuyển (*dự kiến*): 25/10/2026.

2. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển và thi tuyển

(Số lượng tuyển sinh chính thức cho từng phương thức tuyển sinh sẽ được công bố khi có Quyết định ban hành danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển).

2.1. Xét tuyển

a) Số lượng xét tuyển: Dự kiến 50% số lượng tuyển sinh.

b) Điều kiện xét tuyển:

- Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp nhóm 1 có xếp hạng tốt nghiệp từ Giỏi trở lên, hình thức đào tạo chính quy.

- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại mục II.

2.2. Thi tuyển

a) Số lượng tuyển sinh: Dự kiến 50% số lượng tuyển sinh.

b) Đối tượng thi tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp, không thuộc đối tượng xét tuyển được quy định tại Mục 2.1 hoặc ngoài số lượng xét tuyển thì tham gia thi tuyển theo hình thức phỏng vấn.

c) Môn thi tuyển

- Chuyên ngành Quan hệ quốc tế: Triết học, Chính trị quốc tế;

- Chuyên ngành Luật quốc tế: Triết học, Công pháp quốc tế;

- Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế;

- Chuyên ngành Truyền thông quốc tế: Triết học, Truyền thông quốc tế.

d) Hình thức thi tuyển: Phỏng vấn trực tiếp.

VII. Mức học phí, dịch vụ tuyển sinh

1. Mức thu học phí

Học phí được xác định căn cứ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí và chi phí học tập trong lĩnh vực giáo dục.

2. Mức thu phí dịch vụ tuyển sinh

- Lệ phí đăng ký dự thi/xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển: 500.000 đồng/hồ sơ.

VIII. Chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên và chính sách ưu tiên

Đối tượng ưu tiên và chính sách ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (xem tại Phụ lục 3)

IX. Thông tin liên hệ

Phòng Đào tạo sau đại học, Ban Đào tạo đại học và sau đại học, Học viện Ngoại giao

Phòng D312 nhà D, số 69 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Hotline: 0898.634.436 Email: dtsdh@dav.edu.vn

Website: www.dav.edu.vn

Trân trọng./.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁM ĐỐC**



TS. Nguyễn Hùng Sơn

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP
VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ THI
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

I. CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**1. Ngành phù hợp nhóm 1:**

- Quan hệ quốc tế.

2. Ngành phù hợp nhóm 2:

- *Nhóm ngành Khoa học chính trị (73102)*: Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước.

- *Nhóm ngành Khu vực học (73106)*: Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Châu Á - Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Hoa kỳ học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.

3. Ngành phù hợp nhóm 3:

- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) và các ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.

- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.

- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý.

- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

4. Ngành phù hợp nhóm 4:

- Các ngành đào tạo không thuộc 3 nhóm nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 4 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Quan hệ quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- *Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng (786)*: thí sinh được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn phải đáp ứng điều kiện thâm niên công tác tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi.

Học viện sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Quan hệ quốc tế.

5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Quan hệ quốc tế

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3,4 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lý luận quan hệ quốc tế	3
2	Quản trị toàn cầu	3
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3 và 4

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lý luận quan hệ quốc tế	3
2	Quản trị toàn cầu	3
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
4	Chính trị học	3
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
6	Công pháp quốc tế	3
7	Ngoại giao văn hóa	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

II. CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ**1. Ngành phù hợp nhóm 1**

- Luật quốc tế.

2. Ngành phù hợp nhóm 2

Nhóm ngành Luật (73801): Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật thương mại quốc tế.

3. Ngành phù hợp nhóm 3

Các ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm: Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Châu Á - Thái Bình Dương học. Các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1 và nhóm 2 nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 3 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Luật quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- *Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng (786):* thí sinh được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn phải đáp ứng điều kiện thâm niên công tác tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi.

Học viện sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Luật quốc tế.

5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Luật quốc tế

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.
- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Công pháp quốc tế	3
2	Tư pháp quốc tế	3
3	Luật Kinh tế quốc tế	3
4	Nguồn của Luật quốc tế	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Công pháp quốc tế	3
2	Tư pháp quốc tế	3
3	Luật Kinh tế quốc tế	3
4	Nguồn của Luật quốc tế	3
5	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
6	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
7	Ngoại giao Văn hóa	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

III. CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Ngành phù hợp nhóm 1

- Kinh tế quốc tế.

2. Ngành phù hợp nhóm 2

- *Nhóm ngành Kinh tế học (73101)*: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Quản lý kinh tế.

- *Nhóm ngành Kinh doanh (73401)*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may.

3. Ngành phù hợp nhóm 3

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.
- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: Truyền thông quốc tế, Kinh doanh xuất bản phẩm.
- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202).
- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.
- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế, Luật Kinh tế, Luật thương mại quốc tế.
- *Các lĩnh vực khác*:
 - *Nhóm ngành Quản lý công nghiệp (75106)*: Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
 - *Nhóm ngành Quản lý xây dựng (75803)*: Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng.

- *Nhóm ngành Nông nghiệp (76201):* Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp.
- *Nhóm ngành Du lịch (78101):* Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- *Nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng (78102):* Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
- *Nhóm ngành Kinh tế gia đình (78105):* Kinh tế gia đình.
- *Nhóm ngành Khai thác vận tải (78401):* Kinh tế vận tải.
- *Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (78501):* Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai.

4. Ngành phù hợp nhóm 4

- Các ngành đào tạo không thuộc 3 nhóm nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 4 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Kinh tế quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- *Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng (786):* thí sinh được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn phải đáp ứng điều kiện thâm niên công tác tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi.

Học viện sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Kinh tế quốc tế.

5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Kinh tế quốc tế

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.
- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3,4 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
4	Kinh tế phát triển	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3 và 4

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
4	Kinh tế phát triển	3
5	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3

6	Luật Kinh tế quốc tế	3
7	Ngoại giao Văn hóa	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

IV. CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

1. Ngành phù hợp nhóm 1

- Truyền thông quốc tế.

2. Ngành phù hợp nhóm 2

- *Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông (73201)*: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Quan hệ công chúng.

3. Ngành phù hợp nhóm 3

- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) và các ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: nhóm ngành Kinh tế học (73101), nhóm ngành Khoa học chính trị (73102) và nhóm ngành Khu vực học (73106).

- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.

- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế và nhóm ngành Quản trị-Quản lý (73404).

- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

4. Ngành phù hợp nhóm 4

- Các ngành đào tạo không thuộc 3 nhóm nêu trên. Người dự tuyển có ngành tốt nghiệp thuộc ngành phù hợp nhóm 4 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Truyền thông quốc tế;
- Có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi;
- Được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- *Các ngành thuộc lĩnh vực An ninh, Quốc phòng (786)*: thí sinh được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn phải đáp ứng điều kiện thâm niên công tác tối thiểu 02 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi.

Giám đốc Học viện Ngoại giao sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Truyền thông quốc tế.

5. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Truyền thông quốc tế

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 1 không phải học chương trình bổ sung kiến thức.

- Đối tượng ngành phù hợp nhóm 2,3,4 học chương trình bổ sung kiến thức theo khung chương trình sau:

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Truyền thông quốc tế	3
2	Truyền thông số và Trí tuệ nhân tạo AI	3
3	Ngoại giao văn hóa	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 3 và 4

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Truyền thông quốc tế	3
2	Truyền thông số và Trí tuệ nhân tạo AI	3
3	Ngoại giao văn hóa	3
4	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
5	Công pháp quốc tế	3
6	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
7	Báo chí và Thông tin đối ngoại	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ học phần nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi và nội dung trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM (VSTEP)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ TẠI HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
(Kèm theo Quyết định số 1771/QĐ-HVNG ngày 02 tháng 10 năm 2025
của Giám đốc Học viện Ngoại giao)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm		Thời hạn sử dụng
			Trương đương Bậc 3 (VSTEP)	Trương đương Bậc 4 (VSTEP)	VSTEP không thời hạn
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93	2 năm
			Không chấp nhận TOEFL iBT - Home edition		
		TOEFL ITP	450-499		2 năm
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5	2 năm
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179	Không thời hạn
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	2 năm
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2	Không thời hạn
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3	Không thời hạn
	PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	43-58	59-75	2 năm	
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue	Không thời hạn
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2	Không thời hạn
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)	Không thời hạn

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm		Thời hạn sử dụng
			Tương đương Bậc 3 (VSTEP)	Tương đương Bậc 4 (VSTEP)	VSTEP không thời hạn
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	2 năm
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	Không thời hạn
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2	Không thời hạn

*Ghi chú:

- Học viện Ngoại giao chấp nhận các chứng chỉ không có trong phụ lục nếu có Quyết định công nhận các cấp độ tương đương với các bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Người học có thể thi tại một trong các đơn vị tổ chức thi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép, được thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Quản lý chất lượng) tại địa chỉ <http://vqa.moet.gov.vn>.

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ MINH CHỨNG

T T	Đối tượng ưu tiên	Minh chứng
1	Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận thương binh (bản sao) - Giấy xác nhận được hưởng chính sách (bản sao)
2	Con liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh (bản sao) - Giấy xác nhận thương binh, liệt sĩ (bản sao)
3	Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động	- Giấy chứng nhận là anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động (bản sao)
4	Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh (bản sao) - Giấy xác nhận của công an xã/ phường nơi cư trú
5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt học tập do hậu quả của chất độc hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận của công an xã/ phường nơi cư trú. - Giấy chứng nhận bị nhiễm chất độc hóa học (của bố đẻ hoặc mẹ đẻ) (bản sao) - Giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học đối với thí sinh) (bản sao)